

## HƯỚNG DẪN

**Về việc tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Thực hiện Kế hoạch số 631/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc triển khai thực hiện bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Sở Nội vụ hướng dẫn các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh, như sau:

### **I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

Việc đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện trên phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC.

#### **1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần**

- Căn cứ vào kết quả tổ chức, triển khai các nhiệm vụ CCHC thực tế đạt được, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố đối chiếu với các tiêu chuẩn, yêu cầu tại Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh và cách chấm điểm tương ứng với từng tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP), tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP theo hướng dẫn này (*cấp sở theo Phụ lục I, cấp huyện theo Phụ lục II*).

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP chỉ số CCHC của đơn vị phải do thủ trưởng đơn vị phê duyệt, gồm các nội dung sau (*mẫu số 01*):

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP xác định Chỉ số CCHC của đơn vị được triển khai trên phần mềm do Sở Nội vụ cung cấp;

+ Giải trình các nội dung tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu.

#### **2. Về nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm trên phần mềm**

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá, chấm điểm đã được thủ trưởng phê duyệt, các cơ quan, đơn vị tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và các tài liệu kiểm chứng, nội dung giải trình vào phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC theo các bước sau:

- Bước 1: Đăng nhập phần mềm

Đăng nhập vào phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC tại Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Bắc Kạn <http://cchc.backan.gov.vn>, tại mục “**Phần mềm đánh giá chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố tỉnh Bắc Kạn**” (có hướng dẫn cụ thể kèm theo).

- Bước 2: Nhập dữ liệu

Nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và đính kèm file tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả tự đánh giá, chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP.

- Bước 3: Rà soát kết quả

Sau khi hoàn tất việc nhập kết quả tự đánh giá, chấm điểm, các cơ quan, đơn vị rà soát lại, bảo đảm tài liệu kiểm chứng và thông tin giải trình đối với từng TC, TCTP phải trùng khớp với nội dung tại báo cáo đã phê duyệt.

- Bước 4: Gửi kết quả

Sau khi hoàn tất các bước trên, các cơ quan, đơn vị đính kèm báo cáo đã được phê duyệt (*bản ký số*) nhấp chuột vào mục “gửi thẩm định” được hiển thị trên phần mềm.

### **3. Về tài liệu kiểm chứng**

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị phải gửi kèm theo các tài liệu kiểm chứng (*như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...*) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại các Phụ lục I, Phụ lục II, các cơ quan, đơn vị có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (*nếu có*) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các đơn vị giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của đơn vị và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Tài liệu kiểm chứng gửi trên phần mềm là bản scan có định dạng PDF hoặc văn bản điện tử có chữ ký số của cơ quan, đơn vị.

### **4. Thang điểm đánh giá**

- Thang điểm đánh giá của Chỉ số CCHC là 100 tại các TC, TCTP và điểm điều tra xã hội học.

- Các cột điểm đánh giá bao gồm:

+ Cột “tự đánh giá”: là cột do các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện chỉ số CCHC của mình.

+ Cột “thẩm định” là Tổ thẩm định sẽ đánh giá số điểm các cơ quan, đơn vị

dựa trên các tài liệu kiểm chứng và kết quả theo dõi để chấm điểm.

+ Cột “điều tra xã hội học” do Sở Nội vụ tổng hợp dựa trên kết quả trả lời phiếu của đối tượng được chọn điều tra, khảo sát (*Sở Nội vụ sẽ có hướng dẫn riêng về nội dung điều tra xã hội học*)

+ Cột “điểm đạt được” là điểm được xác định bằng tổng điểm của “Tổ thẩm định” và “điều tra xã hội học”.

+ Cột “Chỉ số” là tỷ lệ phần trăm giữa điểm đạt được và thang điểm đánh giá của từng đơn vị.

## **II. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

### **1. Về tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP**

- Căn cứ vào kết quả tổ chức, triển khai các nhiệm vụ CCHC thực tế đạt được các xã, phường, thị trấn đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Phụ lục III Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh và yêu cầu tại Phụ lục III kèm hướng dẫn này, tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Sau khi tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP các xã, phường, thị trấn gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chấm điểm về UBND cấp huyện (*qua phòng Nội vụ*) để tổng hợp theo quy định. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP chỉ số CCHC của đơn vị phải do thủ trưởng đơn vị phê duyệt, gồm các nội dung sau:

+ Biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP xác định Chỉ số CCHC của đơn vị.

+ Giải trình các nội dung tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu.

\* Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm theo Mẫu số 01; biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số CCHC theo Mẫu biểu số 2 kèm theo hướng dẫn này.

### **2. Về tài liệu kiểm chứng**

- Việc tự đánh giá, chấm điểm phải gửi kèm theo các tài liệu kiểm chứng (*như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...*) của cơ quan, đơn vị đã ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục III, các đơn vị có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (*nếu có*) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng, yêu cầu các cơ quan, đơn vị giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm.

- Tài liệu kiểm chứng được gửi đến UBND cấp huyện (*qua phòng Nội vụ*).

Việc sắp xếp các tài liệu kiểm chứng phải bảo đảm tính khoa học, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, thẩm định.

### III. ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

Điều tra xã hội học thu thập, thông tin phục vụ xác định chỉ số CCHC năm 2021 được chia thành 02 hình thức: Điều tra qua phần mềm và điều tra qua phát phiếu trực tiếp, cụ thể như sau:

#### 1. Đối tượng điều tra xã hội học qua phần mềm

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Công chức các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- Thường trực Hội đồng nhân dân và các trưởng hoặc phó ban Hội đồng nhân dân cấp huyện;
- Công chức các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn.

Các đối tượng được chọn điều tra xã hội học thực hiện việc trả lời phiếu điều tra xã hội học trên phần mềm thực hiện như sau:

- Bước 1: Đăng nhập

Đối tượng đăng phần mềm điều tra xã hội học tại Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Bắc Kạn <http://cchc.backan.gov.vn>, tại mục “**Phần mềm điều tra xã hội học tỉnh Bắc Kạn**” (có tệp tài liệu hướng dẫn cụ thể).

- Bước 2: Trả lời phiếu điều tra xã hội học:

Sau khi đăng nhập sẽ trả lời phiếu khảo sát trên phần mềm tại mục “**mẫu phiếu khảo sát**” tương ứng với đối tượng được chọn trả lời phiếu.

- Bước 3: Lưu kết quả điều tra xã hội học:

Sau khi hoàn tất các câu trả lời phiếu điều tra, ấn nút “**lưu khảo sát**” trên phần mềm.

Công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ về công tác CCHC của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn việc điều tra xã hội học trên phần mềm tại đơn vị mình.

#### 2. Đối tượng điều tra xã hội học phát phiếu trực tiếp

- Người dân;
- Đại diện Doanh nghiệp.

Phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính, Sở Nội vụ sẽ phối hợp với phòng Nội vụ các huyện, thành phố tiến hành điều tra trực tiếp đối tượng người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm 08 huyện, thành phố.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nội vụ

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.

- Xác định nhóm đối tượng điều tra xã hội học, hướng dẫn, tổ chức điều tra và xử lý số liệu điều tra xã hội học.

- Chủ trì phối hợp với tổ thẩm định chỉ số CCHC của tỉnh tổng hợp kết quả chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố trình UBND tỉnh công bố.

- Căn cứ vào tổng điểm Chỉ số CCHC được UBND tỉnh công bố, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cấp sở, UBND cấp huyện; người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách cấp sở, UBND cấp huyện trong thực hiện nhiệm vụ CCHC theo Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

### 2. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn

- Triển khai áp dụng Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC để đánh giá kết quả CCHC tại đơn vị mình; tổng hợp số liệu, tài liệu kiểm chứng, xây dựng báo cáo xác định Chỉ số CCHC của đơn vị theo đúng hướng dẫn của Sở Nội vụ;

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, nội dung thực hiện CCHC nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, địa phương và các chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh; UBND cấp huyện, lãnh đạo UBND cấp huyện đối với cấp xã về thực hiện công tác CCHC nhà nước.

- Phân công công chức chuyên trách làm đầu mối thực hiện theo dõi, tổng hợp kết quả CCHC của đơn vị;

- Thời gian gửi UBND tỉnh thẩm định: Các đơn vị phải hoàn thành việc tự đánh giá chấm điểm trên phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC gửi thẩm định **trước 0 giờ ngày 31/12 của năm đánh giá chỉ số (Qua thời hạn trên phần mềm tự động khóa)**.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung trên, UBND các huyện, thành phố tổ chức đánh giá, xếp hạng, công bố Chỉ số CCHC các xã, phường, thị trấn trực thuộc đơn vị mình theo nội dung, trình tự, thời gian quy định tại Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cấp xã; người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách UBND cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ CCHC theo Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn và các hướng dẫn tại văn bản

này. Đồng thời, các huyện, thành phố căn cứ vào hướng dẫn này có thể hướng dẫn bổ sung thêm cho các xã, phường, thị trấn trực thuộc để phù hợp với sự chỉ đạo điều hành và thực tiễn triển khai công tác CCHC tại địa phương mình.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC, trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (*qua phòng Tổ chức biên chế và Cải cách hành chính - Sở Nội vụ, ĐT: 02093.870.784*) để nghiên cứu giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc sở;
- Lưu: VT, TCBC&CCHC (Thuần).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Sâm Văn Trân**

**Phụ lục I****HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN  
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH***(Kèm theo Hướng dẫn số /HD- SNV ngày tháng 11 năm 2021 của Sở Nội vụ Bắc Kạn)*

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
1.	TCTP 1.1.1- Ban hành Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm của các sở, ngành	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch CCHC của các đơn vị phải ban hành trong tháng 1 hoặc tháng 2 của năm kế hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu ban hành trong tháng 01 của năm kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Nếu ban hành trong tháng 02 của năm kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Nếu ban hành sau tháng 02 hoặc không ban hành, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Việc xác định thời gian ban hành kế hoạch của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của Sở Nội vụ (<i>đối với kế hoạch gửi bản điện tử</i>), ngày đóng dấu của Bru điện trên bì thư hoặc ngày dấu văn bản đến của Sở Nội vụ (<i>đối với kế hoạch gửi bản giấy</i>).</p>
2.	TCTP 1.1.2- Chất lượng Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm của các sở, ngành	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định và bố trí kinh phí thực hiện; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu chất lượng kế hoạch đạt như yêu cầu, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Nếu không xác định đầy đủ nhiệm vụ, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
3.	TCTP 1.1.3- Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của đơn vị đánh giá việc thực hiện KH CCHC đơn vị</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100%, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Từ 90% - dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Dưới 90%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
4.	TCTP 1.2.1- Báo cáo CCHC định kỳ	Các báo cáo CCHC định kỳ của sở, ngành	<p><b>Yêu cầu:</b> Số lượng báo cáo, nội dung báo cáo, thời gian báo cáo theo quy định tại Văn bản số 214/HD-SNV ngày 05/02/2021 của Sở Nội vụ Bắc Kạn.</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đủ số lượng báo cáo theo quy định (gồm 04 báo cáo: 02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng, 01 báo cáo năm), thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Tất cả báo cáo đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không có báo cáo, thì điểm đánh giá: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Việc xác định thời gian ban hành báo cáo của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của Sở Nội vụ (<i>đối với báo cáo gửi bản điện tử</i>), ngày đóng dấu của Bưu điện trên bì thư hoặc ngày trên dấu văn bản đến của Sở Nội vụ (<i>đối với báo cáo gửi bản giấy</i>).</p>
5.	TCTP 1.2.2- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm của sở, ngành.</li> <li>- Kết quả thẩm định của Tổ thẩm định.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Khi tiến hành tự đánh giá chấm Chỉ số CCHC của đơn vị phải đúng theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh và văn bản hướng dẫn này của Sở Nội vụ về hướng dẫn chấm điểm Chỉ số CCHC. Điểm tự đánh giá của các đơn vị phải sát với điểm thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm tự đánh giá chính xác 100% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Điểm tự đánh giá sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Điểm tự đánh giá sai số trên 5% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
6.	TCTP 1.3.1 - Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Cung cấp các đường link tới các tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên trang, công thông tin điện tử của đơn vị;</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng tải tin, bài về CCHC trên trang/công thông tin điện tử của đơn vị, thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Tuyên truyền nội dung CCHC trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Tuyên truyền thêm các hình thức khác (tổ chức hội nghị tuyên truyền về CCHC; tọa đàm về CCHC; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về</li> </ul>



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			CCHC; ...), thì điểm đánh giá là: 0,5. - Không thực hiện các hình thức tuyên truyền về CCHC, thì điểm đánh giá là: 0.
7.	TCTP 1.3.2 - Mức độ thực hiện tuyên truyền CCHC	- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	<b>Yêu cầu:</b> Các đơn vị thống kê mức độ (số lượng) thực hiện tuyên truyền CCHC của từng hình thức tuyên truyền (VD: số tin, bài đăng tải trên trang TTĐT của đơn vị; số cuộc họp có nội dung CCHC;...) - Thực hiện thường xuyên các hình thức tuyên truyền CCHC theo quy định thì điểm đánh giá là: 0,5. - Không thực hiện thường xuyên thì điểm đánh giá là: 0.
8.	TC 1.4 - Sáng kiến trong thực hiện CCHC	- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo đánh giá kết quả, lợi ích thiết thực mà sáng kiến, giải pháp mới đã đem lại.	<b>Yêu cầu:</b> Sáng kiến (của tập thể/cá nhân) trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử có khả năng mang lại lợi ích thiết thực. Sáng kiến phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận. - Nếu có sáng kiến, thì điểm đánh giá là: 2 - Nếu không có sáng kiến, thì điểm đánh giá là: 0.
9.	TC 1.5 - Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phụ trách CCHC	- Văn bản phân công nhiệm vụ của đơn vị	<b>Yêu cầu:</b> Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách công tác CCHC của đơn vị. - Nếu phân công người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác CCHC, thì điểm đánh giá là: 0,5. - Nếu phân công cho cấp phó phụ trách công tác CCHC, thì điểm đánh giá là: 0.
10.	TC 1.6 - Kinh phí thực hiện CCHC	- Kế hoạch CCHC, Kế hoạch sử dụng kinh phí của đơn vị (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	<b>Yêu cầu:</b> - Nếu đơn vị bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm CCHC tại đơn vị, thì điểm đánh giá là: 0,5. - Nếu đơn vị không bố trí kinh phí để thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.
11.	TC 1.7 - Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch	Kết quả theo dõi của Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ do UBND	<b>Yêu cầu:</b> - Hoàn thành các nhiệm vụ được giao trên hồ sơ công việc đúng thời

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	UBND giao	tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	<p>hạn và cập nhật kịp thời, đúng quy định trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ, thì điểm đánh giá là: 2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao trên hồ sơ công việc đúng thời hạn và nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn (bao gồm cả việc chậm cập nhật nhiệm vụ (02 lần) trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Hoàn thành từ 95% - dưới 100% các nhiệm vụ được giao, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Trường hợp còn lại trên, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
12.	TCTP 2.1.1 - Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	<p><b>Yêu cầu:</b> Đơn vị ban hành kế hoạch trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 22/01/2021 ( Quy định tại Điều 8 Quyết định số 26/2016/QĐUBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch đúng thời hạn, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Ban hành kế hoạch không đúng thời hạn, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Không ban hành kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>
13.	TCTP 2.1.2 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật hoặc Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện hoạt động thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>
		Kế hoạch kiểm tra, kết luận kiểm tra hoặc báo cáo của đơn vị có nội dung kiểm tra hoạt động TĐTHPL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>
		Kế hoạch điều tra, khảo sát; Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện hoạt động Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		hoặc văn bản thể hiện kết quả khảo sát của đơn vị	- Không thực hiện hoạt động Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0
14.	TCTP 2.1.3 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Văn bản xử lý/kiến nghị xử lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>
15.	TCTP 2.1.4 - Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	<p><i>Yêu cầu:</i> Thời gian theo Văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đúng nội dung, thời gian theo quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Có báo cáo nhưng không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không có báo cáo: 0 điểm</li> </ul>
16.	TCTP 2.2.1 - Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	<p>1. Lập danh mục tổng hợp các văn bản cần xử lý sau rà soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý.</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc chưa hoàn thành nhưng đã kiến nghị cơ quan/cá nhân có thẩm quyền xử lý.</li> <li>+ Số văn bản chưa kiến nghị xử lý.</li> </ul> </li> </ul> <p>Những văn bản chưa kiến nghị xử lý do yếu tố khách quan, đề nghị có giải trình lý do từng trường hợp cụ thể.</p> <p>2. Các văn bản chứng minh kết</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì tính theo công thức: <math display="block">\frac{\text{Tỷ lệ \% văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý} \times 1}{100\%}</math> </li> <li>- Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Trường hợp tất cả các VBQPPL qua rà soát đều phù hợp, không phát sinh vấn đề cần xử lý thì điểm đánh giá là 1 điểm</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		quả rà soát đã được xử lý hoặc đã được kiến nghị xử lý. 3. Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.	
17.	TCTP 2.2.2 - Gửi Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực đến Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số 13/2019/QĐUBND của UBND tỉnh	Danh mục văn bản bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định tại Điều 154 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu gửi Danh mục kịp thời và đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.5;</li> <li>- Nếu gửi Danh mục không kịp thời hoặc không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
18.	TC 2.3 - Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra VBQPPL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập danh mục các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra (Gồm các văn bản do tỉnh kiểm tra; các văn bản do các bộ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kiến nghị xử lý).</li> <li>- Thống kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý</li> <li>+ Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành.</li> </ul> </li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức sau:  <math display="block">\frac{\text{(Tỷ lệ \% văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý)} \times 1}{100\%}</math> </li> <li>- Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0</li> <li>* <i>Lưu ý:</i> Trường hợp kiểm tra VBQPPL không phát hiện vấn đề sai phạm cần xử lý thì điểm đánh giá được tính là 1</li> </ul>
19.	TCTP 3.1.1- Ban hành Kế	Kế hoạch Kiểm soát TTHC	<b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch kiểm soát TTHC của các đơn vị phải ban hành

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	hoạch kiểm soát TTHC		<p>trong tháng 1 hoặc tháng 2, sau khi UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm của năm kế hoạch. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Ban hành kế hoạch quá thời gian quy định thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Không ban hành Kế hoạch thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Sau thời hạn trên, Văn phòng UBND tỉnh chưa nhận được kế hoạch của của đơn vị, thì điểm đánh giá cũng là: 0.</p>
20.	TCTP 3.1.2 - Báo cáo kiểm soát TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo yêu cầu và hướng dẫn của UBND tỉnh. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đúng thời gian, đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 1,5</li> <li>- Báo cáo đúng thời gian nhưng không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không có báo cáo hoặc báo cáo quá thời gian theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>
21.	TCTP 3.2.1 - Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	- Kế hoạch rà soát TTHC.	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch rà soát TTHC của đơn vị ban hành trong tháng 1 hoặc tháng 2, sau khi UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát TTHC năm của năm kế hoạch. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Ban hành kế hoạch quá thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Không ban hành Kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Sau thời hạn trên, Văn phòng UBND tỉnh chưa nhận được kế hoạch của của đơn vị, thì điểm đánh giá cũng là: 0.</p>
22.	TCTP 3.2.2 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC	- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC.	<p><b>Yêu cầu:</b> Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo yêu cầu và hướng dẫn của UBND tỉnh. Thời gian báo cáo theo yêu cầu Kế hoạch rà soát, đánh</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh	giá TTHC của UBND tỉnh. Nếu: - Báo cáo đúng thời gian, đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Báo cáo quá thời gian quy định hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0,25 - Không có báo cáo, thì điểm đánh giá là: 0
23.	TCTP 3.2.3 - Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá TTHC trong năm	- Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh	- Có phương án đơn giản hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định, thì điểm đánh giá là: 3 - Có phương án đơn giản hóa nhưng không được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định, thì điểm đánh giá là: 0
24.	TCTP 3.3.1 - Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của đơn vị	- Báo cáo kiểm soát TTHC, Quyết định công bố. - Công văn đề nghị kiểm soát chất lượng Dự thảo Quyết định công bố. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	- Đơn vị ban hành kịp thời, đầy đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Đơn vị không ban hành kịp thời, đầy đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0 * Lưu ý: Trường hợp trong năm không phát sinh TTHC cần công bố, thì điểm đánh giá 0,5 điểm
25.	TCTP 3.3.2 - Nhập, đăng tải công khai TTHC vào CSDL quốc gia sau khi công bố	Văn bản công khai/ không công khai TTHC của cơ quan, đơn vị. - Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành phải được công khai trên CSDL quốc gia về TTHC. Nếu: - 100% TTHC được đăng tải kịp thời, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Dưới 100% TTHC đăng tải không kịp thời, thì điểm đánh giá là: 0
26.	TCTP 3.3.3 - Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	- Báo cáo kiểm soát TTHC. - Kết quả kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định công bố danh mục TTHC được ban hành. Nếu: - Đơn vị xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kịp thời, đầy

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<p>đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị không kịp thời xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Trường hợp trong năm không phát sinh TTHC cần công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC, điểm đánh giá là 1 điểm.</p>
27.	TCTP 3.3.4 - Cập nhật hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Cập nhật không đầy đủ hoặc không kịp thời, đúng quy định các hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
28.	TCTP 3.4.1 - Công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức trên trang thông tin điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai đúng quy định tại Điều 16, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không công khai, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
29.	TCTP 3.4.2 - Thực hiện tiếp nhận và xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Văn bản trả lời xử lý những PAKN của đơn vị.</li> <li>- Văn bản công khai xin lỗi của đơn vị.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.</li> </ul>	<p>Cơ quan, đơn vị nhận được PAKN của người dân, trên tổng số những PAKN của đơn vị nhận được thì tính tỷ lệ % của các PAKN đã được xử lý/tổng số PAKN của đơn vị nhận được. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành 100% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Hoàn thành từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Hoàn thành dưới 90% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Trường hợp cơ quan, đơn vị không nhận được PAKN của người dân nên không phát sinh việc xử lý: 0,5 điểm.</p>
30.	TCTP 3.5.1 - Tỷ lệ TTHC đang đưa vào thực hiện cơ chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Quyết định của UBND tỉnh</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị do UBND</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của đơn vị	hoặc các văn bản liên quan. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	tính công bố. Nếu tỷ lệ đạt: - 100% TTHC, thì điểm đánh giá là: 1 - Từ 80% - dưới 100% TTHC, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Từ 70% - dưới 80% TTHC, thì điểm đánh giá là: 0,25 - Dưới 70% TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.
31.	TCTP 3.5.2 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị	- Báo cáo đánh giá việc giải quyết TTHC; - Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.	- Có báo cáo đánh giá đúng thời gian quy định và điểm đánh giá từ tốt trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 - Báo cáo đánh giá quá thời gian quy định hoặc điểm đánh giá ở mức khá, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không có báo cáo đánh giá hoặc điểm đánh giá ở mức trung bình, thì điểm đánh giá là: 0.
32.	TCTP 3.6.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết theo quy định	- Báo cáo kiểm soát TTHC. - Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị. Nếu tỷ lệ đạt: - 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá: 2 - Từ 80% - dưới 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 1 - Dưới 80% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 0.
33.	TCTP 3.6.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	- Báo cáo kiểm soát TTHC. - Văn bản công khai xin lỗi của đơn vị. - Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan nhà nước đề nghị có giải trình cụ thể cho từng trường hợp. - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.5 - Nếu thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
34.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của các sở, ngành.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị trực thuộc bảo đảm sắp xếp đúng quy định theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không đúng quy định, thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>
35.	TCTP 4.1.2 - Chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, đơn vị, thuộc và trực thuộc sở, ngành</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Phải quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng chuyên môn và tương đương và các đơn vị trực thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đầy đủ thì điểm đánh giá là 1</li> <li>- Không thực hiện đầy thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>
36.	TCTP 4.1.3 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương của đơn vị.</li> <li>- Quyết định của đơn vị về giao biên chế cho các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.</li> <li>- Các báo cáo của đơn vị có nội dung liên quan.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Số lượng lãnh đạo, quản lý của các đơn vị phải thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Không thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
37.	TCTP 4.2.1 - Về sử dụng biên chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của đơn vị về giao biên chế cho các phòng chuyên</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Việc sử dụng biên chế không được quá số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		môn, đơn vị trực thuộc. - Các báo cáo của đơn vị có nội dung liên quan. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	- Nếu sử dụng không vượt quá số lượng biên chế công chức, viên chức được giao, thì điểm đánh giá là: 1. - Nếu sử dụng vượt quá số lượng biên chế được giao: 0
38.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện việc tinh giản biên chế	- Quyết định phê duyệt danh sách tinh giản biên chế của UBND tỉnh - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> - Trong năm đơn vị có công chức, viên chức, người lao động được tinh giản biên chế, thì điểm đánh giá là 1. - Trong năm đơn vị không có công chức, viên chức, người lao động tinh giản biên chế, thì điểm đánh giá là 0.
39.	TCTP 5.1 - Tỷ lệ công chức, viên chức bố trí đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	- Các quyết định quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt; - Các báo cáo của đơn vị có nội dung liên quan. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> Công chức, viên chức phải được bố trí đúng vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu: - 100% công chức, viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, thì điểm đánh giá là: 2 - Từ 80% - dưới 100% công chức, viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, thì điểm đánh giá là: 1 - Từ 60% - dưới 80% công chức, viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Dưới 60% thì điểm đánh giá là: 0.
40.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền	- Kế hoạch tuyển dụng và các văn bản liên quan đến tuyển dụng theo quy định. - Quyết định phê duyệt kết quả thi tuyển. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> Việc tuyển dụng viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại các văn bản hiện hành. - Thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1 - Thực hiện không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0. <b>* Lưu ý:</b> - Các đơn vị tổ chức tuyển dụng viên chức trong năm, phải có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng thì mới được tính điểm. - Trường hợp các đơn vị không tổ chức tuyển dụng viên chức, do

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			không có đơn vị sự nghiệp hoặc không thiếu biên chế thì điểm đánh giá là 1.
41.	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về thăng hạng viên chức theo thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch thăng hạng và các văn bản liên quan đến thăng hạng theo quy định.</li> <li>- Quyết định phê duyệt kết quả thăng hạng.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại các văn bản hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Thực hiện không đúng quy định, thì điểm đánh giá là : 0.</li> </ul> <p><b>* Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong năm, phải có quyết định phê duyệt kết quả thăng hạng thì mới được tính điểm.</li> <li>- Trường hợp các đơn vị không tổ chức thăng hạng, do không có đơn vị sự nghiệp hoặc không thiếu biên chế thì điểm đánh giá là 0,5.</li> </ul>
42.	TC 5.3 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng, ban và tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của đơn vị.</li> <li>- Các văn bản liên quan tới quá trình bổ nhiệm.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Việc thực hiện bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại các văn bản hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện bổ nhiệm đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Thực hiện bổ nhiệm không đúng quy định: 0.</li> </ul> <p><b>* Lưu ý:</b> Trường hợp trong năm đơn vị không thực hiện bổ nhiệm, do đã đủ cơ cấu hoặc không có người đến thời gian bổ nhiệm lại, thì điểm đánh giá là 1.</p>
43.	TC 5.4 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của sở, ngành về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm;</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Nếu trong năm có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
44.	TCTP 6.1.1 - Thực hiện quy	- Các kết luận thanh tra, kiểm	Thực hiện các quy định về sử dụng kinh phí nguồn NSNN cụ thể:

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	định về sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền trong 3 năm gần nhất; - Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của tỉnh. - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính.	- Không có sai phạm do thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước phát hiện trong năm thì điểm đánh giá là 1. - Có sai phạm được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước phát hiện trong năm thì điểm đánh giá là 0.
45.	TCTP 6.1.2 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách		<b>Yêu cầu:</b> Thống kê tổng số kiến nghị được Sở Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại tỉnh trong 03 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2021 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2019, 2020, 2021). Thống kê số kiến nghị đã được thực hiện xong. Nếu tỷ lệ % số kiến nghị đã thực hiện xong đạt: - Từ 90% đến 100% số kiến nghị được thực hiện (trường hợp cơ quan, đơn vị không có kiến nghị), thì điểm đánh giá là: 1. - Từ 70% đến dưới 90% số kiến nghị được thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Dưới 70% số kiến nghị được thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.
46.	TCTP 6.1.3 - Thực hiện công khai tài chính tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính, các Quyết định công khai;	<b>Yêu cầu:</b> Thủ trưởng đơn vị dự toán thực hiện công khai đầy đủ những nội dung quy định tại Điều 3 Chương II Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Nếu tỷ lệ % số kiến nghị đã thực hiện xong đạt: - 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			- Dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.
47.	TCTP 6.2.1 - Ban hành quy chế quản lý chi tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính.</li> <li>- Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các Sở, ngành (bao gồm cả các đơn vị quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc) cung cấp quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan đơn vị. Nếu số lượng đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đạt tỷ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% đơn vị xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Dưới 100% đơn vị xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
48.	TCTP 6.2.2 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính.</li> <li>- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các Sở, ngành (bao gồm cả các đơn vị quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc) cung cấp quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan đơn vị. Nếu số lượng đơn vị ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đạt tỷ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% đơn vị xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Dưới 100% đơn vị xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
49.	TCTP 6.3.1 - Thực hiện tự chủ về kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 117/2013/NĐ-CP (Đối với các cơ quan không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc, chấm điểm nội dung này)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và gửi về Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch (năm tiếp theo), sau thời điểm trên Sở Tài chính không nhận được báo cáo của các đơn vị thì điểm đánh giá là 0 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% đơn vị thực hiện, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Dưới 100% đơn vị thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
50.	TCTP 6.3.2 - Số đơn vị tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức và người lao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các Sở, ban, ngành thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng 68 (Nghị định 68/2000/NĐ-CP). Nếu tỷ lệ số lượng cơ quan, đơn vị tiết kiệm được</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	động (Đối với các cơ quan không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc, chấm điểm nội dung này)	Sở Tài chính.	kinh phí và chi thu nhập tăng thêm so với tổng số cơ quan đơn vị của Sở, ngành đó đạt theo tỷ lệ: - 100%, thì điểm đánh giá là: 1 - Từ 80% đến dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Từ 60% đến dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0,25 - Dưới 60%, thì điểm đánh giá là: 0.
51.	TCTP 6.3.3 - Tỷ lệ tiết kiệm chi thường xuyên tăng cao hơn so với năm trước (Đối với các cơ quan không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc, chấm điểm nội dung này)	- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	<b>Yêu cầu:</b> Các Sở, ban, ngành thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng 68. Nếu tỷ lệ số lượng cơ quan, đơn vị tiết kiệm được kinh phí và chi thu nhập tăng thêm cao hơn so với năm trước đạt theo tỷ lệ: - Cao hơn 10%, thì điểm đánh giá là: 2 - Từ 5% - 10%, thì điểm đánh giá là: 1,5 - Dưới 5%, thì điểm đánh giá là: 0.
52.	TCTP 6.4.1 - Số đơn vị sự nghiệp tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho viên chức và người lao động (Đối với cơ quan có đơn vị sự nghiệp trực thuộc, chấm điểm nội dung này)	- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	<b>Yêu cầu:</b> Các đơn vị sự nghiệp thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng 68. Nếu tỷ lệ số lượng đơn vị sự nghiệp tiết kiệm được kinh phí và chi thu nhập tăng thêm đạt: - Tỷ lệ 100%, thì điểm đánh giá là: 2 - Từ 80% đến dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 1 - Từ 60% đến dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Dưới 60%, thì điểm đánh giá là: 0.
53.	TCTP 6.4.2 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm cuối giai đoạn tự chủ được giao liền kề (Đối với cơ quan có đơn vị sự nghiệp trực thuộc, chấm điểm nội dung này)	- Báo cáo của các sở, ban, ngành gửi Sở Tài chính. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	<b>Yêu cầu:</b> Các đơn vị sự nghiệp thực hiện giảm chi trực tiếp ngân sách so với năm cuối giai đoạn tự chủ được giao liền kề (giai đoạn tự chủ trước đó) đạt theo tỷ lệ: - Từ 10% trở lên, thì điểm đánh giá là: 2 - Dưới 10% tính theo Công thức [(Tỷ lệ % giảm chi ngân sách x 2)/10%]
54.	TCTP 7.1.1 - Ban hành kế	- Kế hoạch ứng dụng CNTT của	<b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025 của các đơn

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025	đơn vị. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT & TT.	vị ban hành theo hướng dẫn hàng năm của Sở Thông tin và Truyền thông. - Ban hành đúng thời gian, đầy đủ nội dung, thì điểm đánh giá là: 1 - Ban hành không đúng thời hạn hoặc chưa đầy đủ nội dung, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Ban hành không đúng thời hạn và chưa đầy đủ nội dung, thì điểm đánh giá là: 0.
55.	TCTP 7.1.2 - Có các nội dung, nhiệm vụ về Chuyển đổi số trong các văn bản do đơn vị tham mưu cấp trên ban hành	Văn bản đã ban hành.	<b>Yêu cầu:</b> Trong văn bản chỉ đạo của cấp trên do đơn vị tham mưu ban hành hoặc trong KH CNTT, CQĐT của đơn vị có đề cập nội dung nhiệm vụ về CDS - Có trong văn bản của cấp trên, thì điểm đánh giá là: 1 - Có trong kế hoạch CNTT, chính quyền điện tử của đơn vị), thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không: 0
56.	TCTP 7.2.1 - Có triển khai các hệ thống thông tin/Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành	- Kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm ATTT mạng năm 2022. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT & TT.	<b>Yêu cầu:</b> Đơn vị có triển khai các hệ thống thông tin/Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, kết quả được thể hiện cụ thể trong Kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của đơn vị. - Có, thì điểm đánh giá là: 1 - Không, thì điểm đánh giá là: 0
57.	TCTP 7.2.2 - Có CSDL kết nối, đồng bộ với CSDL của cấp Bộ	- Kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm ATTT mạng năm 2022. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT & TT.	<b>Yêu cầu:</b> CSDL do đơn vị triển khai có kết nối, đồng bộ với CSDL của cấp Bộ chủ quản theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ/Bộ TTTT. - Đã triển khai đúng quy định hoặc Bộ chủ quản không có CSDL tương ứng hoặc CSDL của Bộ chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, thì điểm đánh giá là: 1 - Không triển khai đúng quy định hoặc không kết nối, thì điểm đánh giá là: 0
58.	TCTP 7.2.3 - Kịp thời xử lý,	- Báo cáo của đơn vị.	<b>Yêu cầu:</b> Đơn vị có triển khai đầy đủ các hướng dẫn, yêu cầu về xử lý,

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	khắc phục các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin mạng được Sở TTTT cảnh báo và có báo cáo kết quả theo yêu cầu (nếu có) của Sở TTTT	- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT & TT.	khắc phục các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin mạng được Sở TTTT cảnh báo (thông qua văn bản) và có báo cáo kết quả theo yêu cầu nếu Sở TTTT có yêu cầu - Xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời, thì điểm đánh giá là: 1 - Xử lý, khắc phục và báo cáo chưa kịp thời, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không thực hiện hoặc vẫn còn vấn đề chưa được khắc phục, thì điểm đánh giá là: 0.
59.	TCTP 7.2.4 - Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm chuyên trách CNTT	- Tài liệu thể hiện nội dung phân công công chức chuyên trách CNTT và đảm bảo an toàn thông tin cơ quan. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT & TT	<b>Yêu cầu:</b> Mỗi sở, ngành phải có công chức chuyên trách CNTT và đảm bảo an toàn thông tin cơ quan: - Có cán bộ chuyên trách, trình độ chuyên môn chuyên ngành CNTT từ cao đẳng trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 - Có, nhưng trình độ CNTT là trung cấp hoặc không có trình độ chuyên môn chuyên ngành CNTT, thì điểm đánh giá là: 0,5.
60.	TCTP 7.3.1 - Sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDOffice	Thống kê trên phần mềm.	<b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số văn bản trên phần mềm (không bao gồm văn bản của các tổ chức Đảng, đoàn thể) như sau: - Đếm (trên hệ thống TDOffice) tổng số văn bản đi được lãnh đạo ký số: a - Đếm (trên hệ thống TDOffice) tổng số văn bản đi: b - Tính tỷ lệ: $(a/b)*100$ , nếu: + Đạt tỷ lệ 100%, thì điểm đánh giá là: 1 + Đạt tỷ lệ từ 80 đến dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0,5 + Dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0
61.	TCTP 7.3.2 - Sử dụng hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông	- Thống kê trên phần mềm. - Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Đánh giá mức độ sử dụng hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và DVCTT mức độ cao của tỉnh - Duy trì sử dụng ổn định, đầy đủ chức năng, cập nhật 100% hồ sơ TTHC phát sinh của đơn vị vào phần mềm, thì điểm đánh giá là: 1 - Duy trì sử dụng ổn định, đầy đủ chức năng, cập nhật từ 90% đến



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<p>dưới 100% hồ sơ TTHC phát sinh của đơn vị vào phần mềm, thì điểm đánh giá là: 0,5</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không duy trì sử dụng ổn định hoặc sử dụng không đầy đủ chức năng, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p><b>Ghi chú:</b> Tỷ lệ hồ sơ TTHC cập nhật trên phần mềm = (Số hồ sơ TTHC nhập vào phần mềm / Tổng số hồ sơ TTHC phát sinh trong kỳ)*100.</p>
62.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên phần mềm.</li> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % TTHC được cung cấp thành DVCTT mức độ 4 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số DVCTT mức độ 4: a</li> <li>- Thống kê số TTHC của đơn vị: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b)*100</math>, nếu tỷ lệ đạt:</li> <li>+ Từ 80% trở lên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Từ 50 đến 80% thì tính theo công thức: <math>(Tỷ\ lệ * 1)/80\%</math></li> <li>+ Dưới 50%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
63.	TCTP 7.3.4 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên phần mềm.</li> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến: a</li> <li>- Thống kê tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b)*100</math>, nếu tỷ lệ này đạt:</li> <li>+ Từ 50% trở lên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Từ 30% - dưới 50% thì tính theo công thức: <math>(Tỷ\ lệ * 1)/50\%</math>.</li> <li>+ Dưới 30%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
64.	TCTP 7.3.5 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên phần mềm.</li> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số hồ sơ phát sinh, giải quyết trực tuyến: a</li> <li>- Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã phát sinh: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b)*100</math>, nếu tỷ lệ đạt:</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			+ Từ 20% trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 + Từ 10% - dưới 20% thì tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ} * 1)/20\%$ + Dưới 10%, thì điểm đánh giá là: 0.
65.	TCTP 7.3.6 - Rà soát cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với TTHC thuộc lĩnh vực ngành quản lý tại cấp huyện, cấp xã	- Thống kê trên phần mềm. - Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ cung cấp DVCTT mức độ 4 trên tổng số TTHC của ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, xã. - Thống kê số DVCTT mức độ 4 của ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, xã: - Thống kê tổng số TTHC của ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, xã: b - Tính tỷ lệ: $(a/b)*100$ , nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 80% số TTHC trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 + Từ 50 đến 80% số TTHC thì tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ} * 1)/80\%$ + Dưới 50%, thì điểm đánh giá là: 0.
66.	TCTP 7.3.7 - Sử dụng chứng thư số chuyên dùng cho các giao dịch điện tử khác như: Bảo hiểm xã hội, Kho bạc, Thuế, ... (ngoài trong văn bản điện tử thông thường)	- Chụp ảnh màn hình có thông tin chứng thư số khai báo sử dụng tại mỗi hệ thống HOẶC ảnh chụp xác nhận giao dịch thành công có hiển thị thông tin chứng thư số đơn vị. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT & TT.	<b>Yêu cầu:</b> Đếm số loại giao dịch điện tử của đơn vị được thực hiện thông qua chứng thư số chuyên dùng (không đếm trong trao đổi văn bản điện tử thông thường): - Có từ 03 loại giao dịch khác trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 - Có 02 loại giao dịch khác, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Có 01 loại giao dịch hoặc không thực hiện loại giao dịch khác nào, thì điểm đánh giá là: 0.
67.	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT& TT. - Báo cáo của Bru điện tỉnh. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT & TT	<b>Yêu cầu:</b> Thống kê danh mục TTHC đã triển khai (Công bố) thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI. - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai (Công bố) thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			BCCI. Nếu tỷ lệ đạt: + Từ 50% trở lên, thì điểm đánh giá là 0,5 + Dưới 50%, thì điểm đánh giá là 0.
68.	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT& TT. - Báo cáo của Bru điện tỉnh. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &TT	<b><i>Yêu cầu:</i></b> * Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ. * Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên; * Thống kê số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ đạt: + Từ 05% số hồ sơ TTHC trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 + Dưới 05% số hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.
69.	TCTP 7.4.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT& TT. - Báo cáo của Bru điện tỉnh. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &TT	<b><i>Yêu cầu:</i></b> * Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ. * Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được trả kết quả giải quyết (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên; * Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 + Dưới 20% số hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 0,5 + Thực hiện không đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0.

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
70.	TCTP 7.5.1 - Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố của đơn vị</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Khoa học và CN</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các sở, ngành phải công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có ban hành, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không ban hành, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
71.	TCTP 7.5.2 - Tổ chức đánh giá nội bộ, họp xem xét của lãnh đạo hàng năm theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch, báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá nội bộ; Biên bản họp xem xét của lãnh đạo của sở, ngành</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Khoa học và CN</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các sở, ngành phải tổ chức đánh giá nội bộ, Họp xem xét của lãnh đạo tối thiểu một năm một lần về hoạt động hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại đơn vị mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các nội dung trên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Nếu thực hiện 1 trong 2 nội dung, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
72.	TCTP 7.5.3 - Thực hiện việc duy trì, cải tiến ISO theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO của sở, ban, ngành.</li> <li>- Mục tiêu chất lượng năm của đơn vị.</li> <li>- Thực hiện công bố lại theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 4 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Khoa học và CN</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các sở, ban, ngành đã công bố hệ thống ISO phải tổ chức thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống ISO theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>

**Phụ lục II****HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN  
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ***(Kèm theo Hướng dẫn số /HD- SNV ngày tháng 11 năm 2021 của Sở Nội vụ Bắc Kạn)*

<b>STT</b>	<b>Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)</b>	<b>Tài liệu kiểm chứng</b>	<b>Cách chấm điểm</b>
1.	TCTP 1.1.1 - Ban hành kế hoạch CCHC năm	Kế hoạch CCHC năm của các huyện, thành phố	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch CCHC của các đơn vị phải ban hành trong tháng 1 hoặc tháng 2 của năm kế hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu ban hành trong tháng 01 của năm kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Nếu ban hành trong tháng 02 của năm kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Nếu ban hành sau tháng 02 hoặc không ban hành, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Việc xác định thời gian ban hành kế hoạch của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của Sở Nội vụ (<i>đối với kế hoạch gửi bản điện tử</i>), ngày đóng dấu của Bưu điện trên bì thư hoặc ngày dấu văn bản đến của Sở Nội vụ (<i>đối với kế hoạch gửi bản giấy</i>).</p>
2.	TCTP 1.1.2 - Chất lượng kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm của các huyện, thành phố	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định và bố trí kinh phí thực hiện; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu chất lượng kế hoạch đạt như yêu cầu, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Nếu không xác định đầy đủ nhiệm vụ, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
3.	TCTP 1.1.3 - Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của đơn vị đánh giá việc thực hiện KH CCHC đơn vị.</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thì điểm đánh giá là 1</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5</li> <li>- Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
4.	TCTP 1.2.1 - Báo cáo CCHC định kỳ	Các báo cáo CCHC định kỳ của các huyện, thành phố.	<p><b>Yêu cầu:</b> Số lượng báo cáo, nội dung báo cáo, thời gian báo cáo theo quy định tại Văn bản số 214/HD-SNV ngày 05/02/2021 của Sở Nội vụ Bắc Kạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đủ số lượng báo cáo theo quy định (gồm 04 báo cáo: 02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng, 01 báo cáo năm) thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Tất cả báo cáo đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Không có báo cáo, thì điểm đánh giá: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Việc xác định thời gian ban hành báo cáo của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của Sở Nội vụ (<i>đối với báo cáo gửi bản điện tử</i>), ngày đóng dấu của Bưu điện trên bì thư hoặc ngày trên dấu văn bản đến của Sở Nội vụ (<i>đối với báo cáo gửi bản giấy</i>).</p>
5.	TCTP 1.2.2 - Báo cáo tự đánh giá chấm điểm kết quả chỉ số CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm của huyện, thành phố.</li> <li>- Kết quả thẩm định của Tổ thẩm định.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Khi tiến hành tự đánh giá chấm Chỉ số CCHC của đơn vị phải đúng theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh và văn bản hướng dẫn này của Sở Nội vụ về hướng dẫn chấm điểm Chỉ số CCHC. Điểm tự đánh giá của các đơn vị phải sát với điểm thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm tự đánh giá chính xác 100% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Điểm tự đánh giá sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Điểm tự đánh giá sai số trên 5% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
6.	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ các phòng, ban và các đơn vị cấp xã trực thuộc được kiểm tra trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra của đơn vị;</li> <li>- Thông báo kết quả kiểm tra của đơn vị.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số phòng, ban, đơn vị cấp xã trực thuộc được kiểm tra CCHC trong năm so với tổng số phòng, ban, đơn vị cấp xã trực thuộc cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là: 0,25</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			- Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.
7.	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo kết luận kiểm tra;</li> <li>- Các báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra;</li> <li>- Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100%, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Từ 90% - dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Dưới 90%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
8.	TCTP 1.4.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tuyên truyền CCHC.</li> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ.</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền trong kế hoạch CCHC năm của đơn vị. Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành 100%, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Hoàn thành dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
9.	TCTP 1.4.2 - Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Cung cấp các đường link tới các tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên trang, cổng thông tin điện tử của đơn vị;</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Nếu tuyên truyền qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng tải thông tin CCHC trên trang/cổng thông tin điện tử của đơn vị, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Thực hiện tuyên truyền CCHC trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Thực hiện tuyên truyền thêm các hình thức khác (tổ chức hội nghị tuyên truyền về CCHC; tọa đàm về CCHC; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; trên Đài truyền thanh; ...), thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không thực hiện các hình thức tuyên truyền về CCHC, thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
10.	TCTP 1.4.3 - Mức độ thực hiện tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Sở Nội vụ</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các đơn vị thống kê mức độ (số lượng) thực hiện tuyên truyền CCHC của từng hình thức tuyên truyền (VD: số tin, bài đăng tải trên trang TTĐT của đơn vị; số cuộc họp có nội dung CCHC;...). Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thường xuyên các hình thức tuyên truyền CCHC theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Không thực hiện thường xuyên, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
11.	TC 1.5 - Sáng kiến trong thực hiện CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả, lợi ích thiết thực mà sáng kiến, giải pháp mới đã đem lại.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Sáng kiến (của tập thể/cá nhân) trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử có khả năng mang lại lợi ích thiết thực. Sáng kiến phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có sáng kiến, thì điểm đánh giá là: 1,5</li> <li>- Nếu không có sáng kiến, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
12.	TC 1.6 - Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phụ trách CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản phân công nhiệm vụ của đơn vị</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách công tác CCHC của đơn vị.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu phân công người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác CCHC, thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Nếu phân công cho cấp phó phụ trách công tác CCHC, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
13.	TC 1.7 - Bố trí kinh phí cho công tác CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch CCHC, Kế hoạch sử dụng kinh phí của đơn vị</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác nếu có</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu đơn vị bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm CCHC tại đơn vị, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Nếu đơn vị không bố trí kinh phí để thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
14.	TC 1.8- Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết quả theo dõi của Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao trên hồ sơ công việc đúng thời hạn và cập nhật kịp thời, đúng quy định trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ, thì điểm đánh giá là: 1,5</li> </ul>



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao trên hồ sơ công việc đúng thời hạn và nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn (bao gồm cả việc chậm cập nhật nhiệm vụ (02 lần) trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Hoàn thành từ 95% - dưới 100% các nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Trường hợp còn lại trên, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
15.	TCTP 2.1.1 - Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị ban hành kế hoạch trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 22/01/2021 (Quy định tại Điều 8 Quyết định số 26/2016/QĐUBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn).</li> <li>- Ban hành kế hoạch đúng thời hạn, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Ban hành kế hoạch không đúng thời hạn, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Không ban hành kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
16.	TCTP 2.1.2 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật hoặc Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện hoạt động thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>
		Kế hoạch kiểm tra, kết luận kiểm tra hoặc báo cáo của đơn vị có nội dung kiểm tra hoạt động TĐTHPL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
		Kế hoạch điều tra, khảo sát; Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát hoặc văn bản thể hiện kết quả khảo sát của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện hoạt động Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không thực hiện hoạt động Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
17.	TCTP 2.1.3 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Văn bản xử lý/kiến nghị xử lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
18.	TCTP 2.1.4 - Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	<p>Văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đúng nội dung, thời gian theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Có báo cáo nhưng không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Không có báo cáo, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
19.	TCTP 2.2.1 - Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	<p>1. Lập danh mục tổng hợp các văn bản cần xử lý sau rà soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý.</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc chưa hoàn thành nhưng đã kiến nghị cơ quan/cá nhân có thẩm quyền xử lý.</li> <li>+ Số văn bản chưa kiến nghị xử lý.</li> </ul> <p>Những văn bản chưa kiến nghị xử lý do yếu tố khách quan, đề nghị có giải trình lý do từng trường hợp cụ thể.</p> <p>2. Các văn bản chứng minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp tất cả các VBQPPL qua rà soát đều phù hợp, không phát sinh vấn đề cần xử lý thì điểm đánh giá là 1 điểm.</li> <li>- Trường hợp qua rà soát phát hiện những vấn đề cần xử lý (Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số VBQPPL phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát). Nếu tỷ lệ đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì tính theo công thức: <math display="block">\frac{\text{Tỷ lệ \% văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}}{100\%} \times 1</math> </li> </ul> </li> <li>- Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		kết quả rà soát đã được xử lý hoặc đã được kiến nghị xử lý. 3. Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.	
20.	TCTP 2.2.2 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ban hành văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định	- Nếu công bố kịp thời, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.5; - Nếu công bố không kịp thời hoặc không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.
21.	TCTP 2.3 - Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra VBQPPL	- Lập danh mục các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra (Gồm các văn bản do tỉnh kiểm tra; cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận theo thẩm quyền, kiến nghị xử lý). - Thống kê: + Tổng số văn bản cần phải xử lý + Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý + Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. - Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.	- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1 - Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức sau: $\frac{(\text{Tỷ lệ \% văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1}{100\%}$ - Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0 * Lưu ý: Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 1.
22.	TCTP 3.1.1- Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC	Kế hoạch Kiểm soát TTHC của đơn vị	- Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Ban hành kế hoạch quá thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,25 - Không ban hành kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0.
23.	TCTP 3.1.2 - Báo cáo kiểm	- Báo cáo kết quả kiểm soát	- Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	soát TTHC	TTHC. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh	điểm đánh giá là: 1 - Báo cáo đúng thời gian nhưng không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không có báo cáo hoặc báo cáo quá thời gian theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0.
24.	TCTP 3.2.1 - Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	- Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Ban hành kế hoạch quá thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 0,25 - Không ban hành kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0.
25.	TCTP 3.2.2 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC	- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh	- Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Báo cáo quá thời gian quy định hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0,25 - Không có báo cáo, thì điểm đánh giá là 0.
26.	TCTP 3.2.3 - Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá TTHC trong năm	- Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh	- Có phương án đơn giản hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định, thì điểm đánh giá là: 2 - Có phương án đơn giản hóa nhưng không được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định, thì điểm đánh giá là: 0.
27.	TCTP 3.3.1 - Niêm yết TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị	- Ảnh chụp bảng niêm yết. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	- Đầy đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không kịp thời, đầy đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.
28.	TCTP 3.3.2 - Cập nhật hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử	- Báo cáo kiểm soát TTHC. - Kết quả kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 2 - Cập nhật không đầy đủ hoặc không kịp thời, đúng quy định các hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 1

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
29.	TCTP 3.4.1 - Công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN (tại bảng niêm yết TTHC và trên trang thông tin điện tử)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức trên trang thông tin điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công khai đúng quy định tại Điều 16, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>+ Không công khai, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
30.	TCTP 3.4.2 – Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Văn bản trả lời xử lý những PAKN của đơn vị.</li> <li>- Văn bản công khai xin lỗi của đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị không nhận được PAKN của người dân nên không phát sinh việc xử lý: 0,5 điểm.</li> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị nhận được PAKN của người dân, trên tổng số những PAKN của đơn vị nhận được thì tính tỷ lệ % của các PAKN đã được xử lý/tổng số PAKN của đơn vị nhận được. Nếu tỷ lệ đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn thành 100% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Hoàn thành từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>+ Hoàn thành dưới 90% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> </li> </ul>
31.	TCTP 3.5.1 - Tỷ lệ TTHC đang đưa vào thực hiện cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Quyết định của UBND tỉnh hoặc các văn bản liên quan.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị do UBND tỉnh công bố. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% TTHC, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Từ 80% - dưới 100% TTHC, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Từ 70% - dưới 80% TTHC, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Dưới 70% TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
32.	TCTP 3.5.2 - Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Quyết định/lich trực của đơn vị về việc cử công chức trực</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công công chức tiếp nhận đầy đủ, thường xuyên các lĩnh vực TTHC, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		tại bộ phận một cửa. - Kết quả kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	- Không bố trí công chức trực thường xuyên hoặc có lĩnh vực TTHC không có công chức tiếp nhận theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0.
33.	TCTP 3.5.3 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị	- Báo cáo đánh giá việc giải quyết TTHC; - Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.	Có báo cáo đánh giá đúng thời gian quy định và điểm đánh giá từ tốt trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 - Báo cáo đánh giá quá thời gian quy định hoặc điểm đánh giá ở mức khá, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không có báo cáo đánh giá hoặc điểm đánh giá ở mức trung bình, thì điểm đánh giá là 0.
34.	TCTP 3.6.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết theo quy định	- Báo cáo kiểm soát TTHC. - Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị. Nếu tỷ lệ đạt: - 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 3 - Từ 80% - dưới 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 2 - Dưới 80% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 0.
35.	TCTP 3.6.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC	- Báo cáo kiểm soát TTHC. - Văn bản công khai xin lỗi của đơn vị. - Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Trường hợp trễ hạn mà không phải do lỗi của cơ quan nhà nước đề nghị có giải trình cụ thể cho từng trường hợp. - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.5 - Nếu thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.
36.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp các	- Báo cáo của UBND huyện,	<b>Yêu cầu:</b> Cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn và tương

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc	<p>thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p>đương, đơn vị trực thuộc bảo đảm sắp xếp đúng quy định theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không đúng quy định, thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>
37.	TCTP 4.1.2 - Chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND huyện, thành phố</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Phải quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc được Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
38.	TCTP 4.1.3 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương của đơn vị.</li> <li>- Quyết định của đơn vị về giao biên chế cho các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.</li> <li>- Các báo cáo của đơn vị có nội dung liên quan.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Số lượng lãnh đạo, quản lý của các đơn vị phải thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là 1,5</li> <li>- Không thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>
39.	TCTP 4.2.1 - Về sử dụng biên chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của đơn vị về giao biên chế cho các phòng chuyên môn, đơn vị trực</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Việc sử dụng biên chế không được quá số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu sử dụng không vượt quá số lượng biên chế công chức, viên chức</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		thuộc. - Các báo cáo của đơn vị có nội dung liên quan. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	được giao, thì điểm đánh giá là: 1. - Nếu sử dụng vượt quá số lượng biên chế được giao, thì điểm đánh giá là: 0.
40.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện việc tinh giản biên chế	- Quyết định phê duyệt danh sách tinh giản biên chế của UBND tỉnh - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> - Trong năm đơn vị có công chức, viên chức, người lao động được tinh giản biên chế, thì điểm đánh giá là: 2 - Trong năm đơn vị không có công chức, viên chức, người lao động tinh giản biên chế, thì điểm đánh giá là: 0.
41.	TCTP 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	- Các quyết định quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt. - Các báo cáo của đơn vị có nội dung liên quan. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> Công chức, viên chức phải được bố trí đúng vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu: - 100% công chức, viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, thì điểm đánh giá là: 1,5 - Từ 80% - dưới 100% công chức, viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, thì điểm đánh giá là: 1 - Từ 60% - dưới 80% công chức, viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, thì điểm đánh giá là 0,5 - Dưới 60%, thì điểm đánh giá là 0.
42.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền	- Kế hoạch tuyển dụng và các văn bản liên quan đến tuyển dụng theo quy định. - Quyết định phê duyệt kết quả thi tuyển. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> Việc tuyển dụng viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại các văn bản hiện hành. - Thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Thực hiện không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0. <b>* Lưu ý:</b> - Các đơn vị tổ chức tuyển dụng viên chức trong năm, phải có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng thì mới được tính điểm.



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp các đơn vị không tổ chức tuyển dụng viên chức, do không có đơn vị sự nghiệp hoặc không thiếu biên chế thì điểm đánh giá là 0,5.</li> </ul>
43.	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về thăng hạng viên chức theo thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch thăng hạng và các văn bản liên quan đến thăng hạng theo quy định.</li> <li>- Quyết định phê duyệt kết quả thăng hạng.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại các văn bản hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là 0,5</li> <li>- Thực hiện không đúng quy định, thì điểm đánh giá là : 0.</li> </ul> <p><i>* Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong năm, phải có quyết định phê duyệt kết quả thăng hạng thì mới được tính điểm.</li> <li>- Trường hợp các đơn vị không tổ chức thăng hạng, do không có đơn vị sự nghiệp hoặc không thiếu biên chế thì điểm đánh giá là 0,5.</li> </ul>
44.	TCTP 5.2.3 - Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo chất lượng cán bộ cấp xã.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Cán bộ, công chức cấp xã phải có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên. Riêng đối với công chức các phường, thị trấn phải có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% đạt chuẩn theo quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Từ 70% - dưới 100% đạt chuẩn theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
45.	TC 5.3 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng, ban và tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của đơn vị.</li> <li>- Các văn bản liên quan tới quá trình bổ nhiệm.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Việc thực hiện bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại các văn bản hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện bổ nhiệm đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Thực hiện bổ nhiệm không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p><i>* Lưu ý:</i> Trường hợp trong năm đơn vị không thực hiện bổ nhiệm, do đã đủ cơ cấu hoặc không có người đến thời gian bổ nhiệm lại, thì điểm đánh giá là 0,5.</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
46.	TC 5.4 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của UBND huyện, thành phố về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm;</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Nếu trong năm có cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
47.	TCTP 6.1.1 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền trong 3 năm gần nhất;</li> <li>- Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của tỉnh.</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính</li> </ul>	<p>Thực hiện các quy định về sử dụng kinh phí nguồn NSNN cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có sai phạm được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước phát hiện trong năm, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Có sai phạm được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước phát hiện trong năm, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
48.	TCTP 6.1.2 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách		<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê tổng số kiến nghị được Sở Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 03 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2020 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2018, 2019, 2020). Thống kê số kiến nghị đã được thực hiện xong. Nếu tỷ lệ % số kiến nghị đã thực hiện xong đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 80% đến 100% số kiến nghị được thực hiện (trường hợp cơ quan, đơn vị không có kiến nghị), thì điểm đánh giá là 0,5</li> <li>- Từ 60% đến dưới 80% số kiến nghị được thực hiện, thì điểm đánh giá</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			là 0,25 - Dưới 60% số kiến nghị được thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.
49.	TCTP 6.1.3 - Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước hằng năm	- Báo cáo của UBND huyện, thành phố gửi Sở Tài chính. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước hằng năm so với kế hoạch được giao cụ thể: - Từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao, thì điểm đánh giá là: 2 - Từ 70% - 90% so với kế hoạch được giao, thì điểm đánh giá tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN} \times 2)/(90\%)]$ - Dưới 70% so với kế hoạch được giao, thì điểm đánh giá là: 0.
50.	TCTP 6.2.1 - Ban hành quy chế quản lý chi tiêu	- Báo cáo của UBND huyện, thành phố gửi Sở Tài chính. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	<b>Yêu cầu:</b> UBND cấp huyện, thành phố xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị. - Có Quy chế chi tiêu nội bộ, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Chưa có Quy chế chi tiêu nội bộ, thì điểm đánh giá là: 0.
51.	TCTP 6.2.2 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	- Báo cáo của UBND huyện, thành phố gửi Sở Tài chính. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	<b>Yêu cầu:</b> UBND huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc thực hiện theo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức quản lý, sử dụng tài sản công của cấp có thẩm quyền. - Có Quy chế, thì điểm đánh giá là: 0,5. - Chưa có Quy chế, thì điểm đánh giá là: 0.
52.	TCTP 6.3.1 - Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động	- Báo cáo của UBND huyện, thành phố gửi Sở Tài chính. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	<b>Yêu cầu:</b> UBND các huyện, thành phố thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng 68 (Nghị định 68/2000/NĐ-CP). Nếu tỷ lệ số lượng cơ quan, đơn vị tiết kiệm được kinh phí và chi thu nhập tăng thêm so với tổng số đơn vị đó đạt tỷ lệ: - Đạt tỷ lệ 100%, thì điểm đánh giá là: 1,5 - Từ 80% đến dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 1 - Từ 60% đến dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Dưới 60%, thì điểm đánh giá là: 0.

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
53.	TCTP 6.3.2 - Đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của UBND huyện, thành phố gửi Sở Tài chính.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và gửi về Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch (năm tiếp theo). Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ gửi về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm kế hoạch (năm tiếp theo), sau thời điểm trên Sở Tài chính không nhận được báo cáo của các đơn vị thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi đúng thời hạn, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Báo cáo đầy đủ nội dung nhưng gửi sau thời hạn quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Vi phạm một trong các tiêu chí: Báo cáo không đầy đủ nội dung; không đúng nội dung hoặc không gửi báo cáo, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
54.	TCTP 7.1.1 - Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp; TT.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2021 hoặc giai đoạn 2021-2025 của đơn vị ban hành đúng thời hạn theo hướng dẫn hàng năm của Sở Thông tin và Truyền thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã ban hành và có triển khai 100% nhiệm vụ đề ra trong năm 2021 thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Có ban hành, nhưng chưa triển khai đầy đủ các nhiệm vụ đề ra thì điểm đánh giá là : 0,25</li> <li>- Không ban hành hoặc không triển khai các nhiệm vụ đề ra thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
55.	TCTP 7.1.2 - Hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử huyện/thành phố.	Tài liệu minh chứng phù hợp: Quyết định kiện toàn, Giấy mời/Kết luận cuộc họp, văn bản, kế hoạch, ...	<p><b>Yêu cầu:</b> Đánh giá việc tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử (Ban chỉ đạo) tại đơn vị. <b>Điểm của tiêu chí này là tổng của mỗi nội dung đánh giá sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo, thì điểm đánh giá là: 0,1</li> <li>- Ban chỉ đạo có tổ chức cuộc họp, thì điểm đánh giá là: 0,2</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban chỉ đạo có ban hành văn bản hoặc có các hoạt động kiểm tra, đánh giá tình hình xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn trong năm, thì điểm đánh giá là: 0,2.</li> </ul>
56.	TCTP 7.1.3 - UBND huyện/thành phố có triển khai nội dung về Chuyển đổi số	Văn bản triển khai; Tài liệu phù hợp kiểm chứng được nội dung hoạt động cụ thể đã triển khai về	<p><b>Yêu cầu:</b> UBND huyện/thành phố có ban hành văn bản triển khai nội dung về Chuyển đổi số và tổ chức thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và triển khai ít nhất 01 hoạt động cụ thể, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng chưa triển khai hoạt động cụ thể nào, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Không: 0.</li> </ul>
57.	TCTP 7.2.1 - Tổng số máy tính trang bị cho CBCC làm công tác chuyên môn tại các phòng ban trực thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp;TT.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ CBCC làm công tác chuyên môn tại các phòng, ban trực thuộc được trang bị máy tính để làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê tổng số máy tính: a</li> <li>- Thống kê tổng số CBCC làm công tác chuyên môn: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b) \cdot 100</math>, nếu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đạt tỷ lệ 100%, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> </li> </ul>
58.	TCTP 7.2.2 - Kịp thời xử lý, khắc phục các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin mạng được Sở TTTT cảnh báo và có báo cáo kết quả theo yêu cầu (nếu có) của Sở TTTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp;TT.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Đơn vị có triển khai đầy đủ các hướng dẫn, yêu cầu về xử lý, khắc phục các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin mạng được Sở TTTT cảnh báo (thông qua văn bản) và có báo cáo kết quả theo yêu cầu nếu Sở TTTT có yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Xử lý, khắc phục và báo cáo chưa kịp thời, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không thực hiện hoặc vẫn còn vấn đề chưa được khắc phục, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
59.	TCTP 7.2.3 - Cán bộ chuyên trách CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản giao nhiệm vụ/ phân công vị trí việc làm....</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp;TT.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Mỗi huyện, thành phố phải có công chức chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) và đảm bảo an toàn thông tin cơ quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 02 cán bộ chuyên trách (01 tại UBND huyện, 01 tại phòng VH TT), trình độ CNTT từ cao đẳng trở lên, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Có 01 cán bộ chuyên trách hoặc cán bộ chuyên trách không phải chuyên ngành CNTT, thì điểm đánh giá là: 0,25</li> <li>- Không có cán bộ chuyên trách CNTT, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
60.	TCTP 7.2.4 - Cấp chứng thư số chuyên dùng cho tổ chức và các cá nhân lãnh đạo có quyền ký ban hành văn bản; cá nhân kế toán đơn vị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp;TT</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % chứng thư số chuyên dùng cấp cho tổ chức và cá nhân lãnh đạo có quyền ký ban hành văn bản của huyện, thành phố (bao gồm cả các phòng chuyên môn trực thuộc).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê tổng số chứng thư số đã cấp: a</li> <li>- Thống kê tổng số tổ chức, cá nhân có nhu cầu: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b) \cdot 100</math>, nếu:</li> <li>+ Đạt tỷ lệ 100%, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>+ Dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
61.	TCTP 7.3.1 - Sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDOffice tại UBND huyện, các phòng ban trực thuộc	Thống kê trên phần mềm.	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số văn bản dự thảo được trao đổi, duyệt, ký số trên phần mềm (không bao gồm văn bản của các tổ chức Đảng, đoàn thể) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm (trên hệ thống TDOffice) tổng số văn bản đi được lãnh đạo ký số: a</li> <li>- Đếm (trên hệ thống TDOffice) tổng số văn bản đi: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b) \cdot 100</math>, nếu tỷ lệ đạt:</li> <li>+ Đạt tỷ lệ 100%, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Đạt tỷ lệ từ 80 đến dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>+ Dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
62.	TCTP 7.3.2 - Tuyên truyền về Chuyển đổi số		<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện tuyên truyền Chuyển đổi số:</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chuyên mục riêng tuyên truyền về Chuyển đổi số trên cổng TTĐT và triển khai đa dạng các hình thức tuyên truyền về Chuyển đổi số, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không có chuyên mục riêng tuyên truyền về Chuyển đổi số trên cổng TTĐT hoặc không triển khai đa dạng các hình thức tuyên truyền về Chuyển đổi số, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>
63.	TCTP 7.3.3 - Sử dụng hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên phần mềm.</li> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Đánh giá mức độ sử dụng hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và DVCTT mức độ cao của tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì sử dụng ổn định, đầy đủ chức năng, cập nhật 100% hồ sơ TTHC phát sinh của đơn vị vào phần mềm, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Duy trì sử dụng ổn định, đầy đủ chức năng, cập nhật từ 90% đến dưới 100% hồ sơ TTHC phát sinh của đơn vị vào phần mềm, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không duy trì sử dụng ổn định hoặc sử dụng không đầy đủ chức năng, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul> <p><b>Ghi chú:</b> Tỷ lệ hồ sơ TTHC cập nhật trên phần mềm = (Số hồ sơ TTHC nhập vào phần mềm / Tổng số hồ sơ TTHC phát sinh trong kỳ)*100.</p>
64.	TCTP 7.3.4 - Đề xuất, kiến nghị về việc tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC nhằm phù hợp cung cấp thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Đánh giá tình hình đề xuất, kiến nghị tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC nhằm phù hợp cung cấp thành DVCTT mức độ 3,4 đối với TTHC cấp huyện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề xuất, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không có đề xuất, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
65.	TCTP 7.3.5 - Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên phần mềm.</li> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến: a</li> <li>- Thống kê tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ: b</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b)*100</math>, nếu tỷ lệ đạt:</li> <li>+ Từ 50% trở lên, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>+ Từ 20% - dưới 50%, thì tính theo công thức: <math>(\text{Tỷ lệ} * 0,5)/50\%</math>.</li> <li>+ Dưới 20%: 0</li> </ul>
66.	TCTP 7.3.6 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh trực tuyến mức độ 3 và 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên phần mềm.</li> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số hồ sơ phát sinh, giải quyết trực tuyến: a</li> <li>- Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã phát sinh: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b)*100</math>. Nếu tỷ lệ đạt:</li> <li>+ Từ 20% trở lên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Từ 10% - dưới 20% thì tính theo công thức: <math>(\text{Tỷ lệ} * 1)/20\%</math></li> <li>+ Dưới 10%: 0.</li> </ul>
67.	TCTP 7.3.7 - Tỷ lệ lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc UBND huyện, lãnh đạo UBND xã sử dụng chứng thư số chuyên dùng để ký số văn bản, giao dịch điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp; TT</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính mức độ sử dụng chứng thư số chuyên dùng của lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc UBND huyện, lãnh đạo UBND xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê Tổng số lãnh đạo sử dụng chứng thư số chuyên dùng để ký số văn bản, giao dịch điện tử: a</li> <li>- Thống kê Tổng số lãnh đạo: b</li> <li>- Tính tỷ lệ: <math>(a/b)*100</math>. Nếu:</li> <li>+ Đạt tỷ lệ 100%, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
68.	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT &amp; TT.</li> <li>- Báo cáo của Bru điện tỉnh.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê danh mục TTHC đã triển khai (Công bố) thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai</li> </ul>



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		của Sở TT &TT	(Công bố) thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ đạt: + Từ 50% trở lên, thì điểm đánh giá là: 0,5 + Dưới 50%, thì điểm đánh giá là: 0.
69.	TCTP 7.4.2 – Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT&amp; TT.</li> <li>- Báo cáo của Bru điện tỉnh.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp;TT</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</li> <li>* Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên;</li> <li>* Thống kê số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> </ul> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 05% số hồ sơ TTHC trở lên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Dưới 05% số hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
70.	TCTP 7.4.3 – Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT&amp; TT.</li> <li>- Báo cáo của Bru điện tỉnh.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp;TT</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</li> <li>* Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được trả kết quả giải quyết (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên;</li> <li>* Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> </ul> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt:</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>+ Thực hiện không đúng theo quy định: 0.</li> </ul>
71.	TCTP 7.5.1 - Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố của đơn vị</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở KH và CN</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các huyện, thành phố phải công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có ban hành, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không ban hành thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>
72.	TCTP 7.5.2 - Tổ chức đánh giá nội bộ, họp xem xét của lãnh đạo hàng năm theo quy định (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch, báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá nội bộ; Biên bản họp xem xét của lãnh đạo đơn vị</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở KH và CN</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các huyện, thành phố phải tổ chức đánh giá nội bộ, Họp xem xét của lãnh đạo tối thiểu một năm một lần về hoạt động hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015, tại đơn vị mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các nội dung trên, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Nếu thực hiện 1 trong 2 nội dung, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
73.	TCTP 7.5.3 - Thực hiện việc áp dụng duy trì và cải tiến ISO theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO của đơn vị</li> <li>- Mục tiêu chất lượng năm của đơn vị.</li> <li>- Thực hiện công bố lại theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 4 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các huyện, thành phố đã công bố hệ thống ISO phải tổ chức thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống ISO theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>

**Phụ lục III****HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN  
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ***(Kèm theo Hướng dẫn số /HD- SNV ngày tháng 11 năm 2021 của Sở Nội vụ Bắc Kạn)*

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
1.	TCTP 1.1.1 - Ban hành kế hoạch CCHC năm	Kế hoạch CCHC năm của các xã, phường, thị trấn	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch CCHC của đơn vị phải ban hành trong tháng 1 hoặc tháng 2 của năm kế hoạch (sau khi UBND tỉnh, UBND huyện ban hành).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu ban hành trong tháng 01 của năm kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 1,5;</li> <li>- Nếu ban hành trong tháng 02 của năm kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 1;</li> <li>- Nếu ban hành sau tháng 02 hoặc không ban hành, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* Việc xác định thời gian ban hành kế hoạch của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của phòng Nội vụ (đối với kế hoạch gửi bản điện tử), ngày đóng dấu của Bru điện trên bì thư hoặc ngày dấu văn bản đến của phòng Nội vụ (đối với kế hoạch gửi bản giấy).</p>
2.	TCTP 1.1.2 - Chất lượng kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm của các xã, phường, thị trấn	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định và bố trí kinh phí thực hiện; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu chất lượng kế hoạch đạt như yêu cầu, thì điểm đánh giá là: 2;</li> <li>- Không xác định đầy đủ nhiệm vụ, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
3.	TCTP 1.1.3 - Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của các xã, phường, thị trấn đánh giá việc thực hiện KH CCHC đơn vị</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100%, thì điểm đánh giá là: 3</li> <li>- Từ 90% - dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Từ 80% - dưới 90%, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
4.	TCTP 1.2.1 - Báo cáo CCHC định kỳ	Các báo cáo CCHC định kỳ của các xã, phường, thị trấn	<p><b>Yêu cầu:</b> Phải đủ 04 báo cáo, gồm: 02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng, 01 báo cáo năm; báo cáo phải đủ nội dung theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và UBND cấp huyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đủ số lượng báo cáo theo quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Tất cả báo cáo đủ nội dung theo quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả báo cáo đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không có báo cáo, thì điểm đánh giá: 0.</li> </ul> <p><i>* Lưu ý:</i> Việc xác định thời gian ban hành báo cáo của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của phòng Nội vụ (<i>đối với báo cáo gửi bản điện tử</i>), ngày đóng dấu của Bureau điện trên bì thư hoặc ngày trên dấu văn bản đến của phòng Nội vụ (<i>đối với báo cáo gửi bản giấy</i>).</p>
5.	TCTP 1.2.2 - Báo cáo tự đánh giá chấm điểm kết quả chỉ số CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm của các xã, phường, thị trấn</li> <li>- Kết quả thẩm định của Tổ thẩm định.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Khi tiến hành tự đánh giá chấm Chỉ số CCHC của đơn vị phải đúng theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh và văn bản hướng dẫn này của Sở Nội vụ về hướng dẫn chấm điểm Chỉ số CCHC. Điểm tự đánh giá của các đơn vị phải sát với điểm thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm tự đánh giá chính xác 100% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Điểm tự đánh giá sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là: 0,5.</li> <li>- Điểm tự đánh giá sai số trên 5% so với kết quả thẩm định, thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>
6.	TCTP 1.3.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tuyên truyền CCHC;</li> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm của đơn vị. Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn thành 100%, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>+ Hoàn thành từ 90% - dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Hoàn thành dưới 90%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
7.	TCTP 1.3.2 - Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Cung cấp các đường link tới các tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên trang, cổng thông tin</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của xã, phường, thị trấn hoặc trang thông tin điện tử của huyện, thành phố, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Các hình thức khác (tổ chức hội nghị tuyên truyền về CCHC; tọa đàm về CCHC; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; ...), thì điểm đánh giá là: 1</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		điện tử của đơn vị; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Không thực hiện các hình thức tuyên truyền về CCHC, thì điểm đánh giá là: 0.
8.	TCTP 1.3.3 - Mức độ thực hiện tuyên truyền CCHC	- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	<b>Yêu cầu:</b> Các đơn vị thống kê mức độ (số lượng) thực hiện tuyên truyền CCHC của từng hình thức tuyên truyền (VD: số tin, bài đăng tải trên trang TTĐT của đơn vị; số cuộc họp có nội dung CCHC;...). Nếu: - Thực hiện thường xuyên các hình thức tuyên truyền CCHC theo quy định, thì điểm đánh giá là: 2 - Không thực hiện thường xuyên, thì điểm đánh giá là: 0.
9.	TC 1.4 - Sáng kiến trong thực hiện CCHC	- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo đánh giá kết quả, lợi ích thiết thực mà sáng kiến, giải pháp mới đã đem lại.	Sáng kiến (của tập thể/cá nhân) trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai CCHC của các xã, phường, thị trấn. Sáng kiến phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc được UBND huyện xem xét, ghi nhận. Nếu: - Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, thì điểm đánh giá là: 2 - Không có sáng kiến, thì điểm đánh giá là: 0.
10.	TC 1.5 - Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phụ trách CCHC	- Văn bản phân công nhiệm vụ của đơn vị	- Phân công người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác CCHC, thì điểm đánh giá là: 2 - Cấp phó phụ trách công tác CCHC, thì điểm đánh giá là: 0.
11.	TCTP 2.1.1 - Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	- Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật.	<b>Yêu cầu:</b> Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cấp huyện và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi, lĩnh vực, địa phương quản lý, kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch sau 10 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện ( <i>quy định tại Điều 8 Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016</i> ). - Ban hành kế hoạch đúng thời hạn, thì điểm đánh giá là: 1 - Ban hành kế hoạch không đúng thời hạn, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không ban hành kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0
12.	TCTP 2.1.2 - Thực hiện các	Báo cáo thu thập thông tin	- Có thực hiện hoạt động thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật,

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	tin về tình hình thi hành pháp luật hoặc báo cáo theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0
		Kế hoạch kiểm tra, kết luận kiểm tra hoặc báo cáo của đơn vị có nội dung kiểm tra hoạt động TDTHPL	- Có thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0.
		Kế hoạch điều tra, khảo sát; Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát hoặc văn bản thể hiện kết quả khảo sát của đơn vị	- Có thực hiện hoạt động Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không thực hiện hoạt động Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thì điểm đánh giá là: 0.
13.	TCTP 2.1.3 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Văn bản xử lý/kiến nghị xử lý	<b>Yêu cầu:</b> Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các đơn vị xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Nếu: - Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền, thì điểm đánh giá là: 1 - Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền, thì điểm đánh giá là: 0
14.	TCTP 2.1.4 - Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	<b>Yêu cầu:</b> Báo cáo phải theo văn bản hướng dẫn của UBND cấp huyện. Nếu: - Báo cáo đúng nội dung, thời gian theo quy định, thì điểm đánh giá là: 1 - Có báo cáo nhưng không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Không có báo cáo, thì điểm đánh giá là: 0
15.	TCTP 2.2.1 - Xử lý kết quả rà	1. Lập danh mục tổng	<b>Yêu cầu:</b> Thông kê các vấn đề phát hiện qua rà soát, sau đó tính tỷ lệ % số

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	soát, VBQPPL	<p>hợp các văn bản cần xử lý sau rà soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý.</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc chưa hoàn thành nhưng đã kiến nghị cơ quan/cá nhân có thẩm quyền xử lý.</li> <li>+ Số văn bản chưa kiến nghị xử lý.</li> </ul> <p>Những văn bản chưa kiến nghị xử lý do yếu tố khách quan, đề nghị có giải trình lý do từng trường hợp cụ thể.</p> <p>2. Các văn bản chứng minh kết quả rà soát đã được xử lý hoặc đã được kiến nghị xử lý.</p> <p>3. Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tư pháp cấp huyện.</p>	<p>vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý so với tổng số phát hiện. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1,5</li> <li>- Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì tính theo công thức:</li> </ul> $\frac{\text{Tỷ lệ \% văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}}{100\%} \times 1,5$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Trường hợp tất cả các VBQPPL qua rà soát đều phù hợp, không phát sinh vấn đề cần xử lý, thì điểm đánh giá là 1,5</p>
16.	TCTP 2.2.2 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định	<p><b>Yêu cầu:</b> Ban hành văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố kịp thời, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.5</li> <li>- Công bố không kịp thời hoặc không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
17.	TC 2.3 - Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập danh mục các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra (Gồm các văn bản do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận theo thẩm quyền, kiến nghị xử lý).</li> <li>- Thống kê:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý</li> <li>+ Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành.</li> </ul> </li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tư pháp.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số văn bản trái pháp luật đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số văn bản trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức sau:               <math display="block">\frac{(\text{Tỷ lệ \% văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1}{100\%}</math> </li> <li>- Dưới 70% số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</li> </ul> <p>* Lưu ý: Trường hợp kiểm tra VBQPPL không phát hiện vấn đề sai phạm cần xử lý, thì điểm đánh giá được tính là 1.</p>
18.	TC 2.4 - Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác Triển khai thực hiện VBQPPL gửi UBND cấp huyện</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của UBND cấp huyện</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên được triển khai thực hiện tại địa phương. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% văn bản được triển khai thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 3.</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% văn bản được triển khai thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 2.</li> <li>- Từ 80% - dưới 90% văn bản được triển khai thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Dưới 80% văn bản được triển khai thực hiện đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
19.	TCTP 3.1.1- Ban hành Kế	Kế hoạch Kiểm soát	<p><b>Yêu cầu:</b> Kế hoạch kiểm soát TTHC của đơn vị ban hành trước ngày 01</p>



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	hoạch kiểm soát	TTHC.	<p>tháng 02 của năm kế hoạch (sau khi UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố ban hành kế hoạch của năm kế hoạch). Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Ban hành kế hoạch quá thời gian quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không ban hành kế hoạch, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Việc xác định thời gian ban hành kế hoạch của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của Văn phòng HĐND&amp;UBND cấp huyện (đối với kế hoạch gửi bản điện tử), ngày đóng dấu của Bưu điện trên bì thư hoặc ngày dấu văn bản đến của Văn phòng HĐND&amp;UBND cấp huyện (đối với kế hoạch gửi bản giấy).</p>
20.	TCTP 3.1.2 - Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND &amp; UBND cấp huyện.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo yêu cầu hướng dẫn của Văn Phòng UBND tỉnh. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 2.</li> <li>- Báo cáo đúng thời gian nhưng không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Không có báo cáo hoặc báo cáo quá thời gian theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> <p>* <i>Lưu ý:</i> Việc xác định thời gian báo cáo của các đơn vị dựa trên ngày văn bản đến trên hồ sơ công việc của Văn phòng HĐND&amp;UBND cấp huyện (đối với báo cáo gửi bản điện tử), ngày đóng dấu của Bưu điện trên bì thư hoặc ngày dấu văn bản đến của Văn phòng HĐND&amp;UBND cấp huyện (đối với báo cáo gửi bản giấy).</p>
21.	TCTP 3.2.1 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Báo cáo quá thời gian quy định hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo yêu cầu của UBND tỉnh, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không có báo cáo, thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
22.	TCTP 3.2.2 - Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá TTHC trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND &amp; UBND cấp huyện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phương án đơn giản hóa được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt, thì điểm đánh giá là: 3</li> <li>- Có phương án đơn giản hóa nhưng không được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
23.	TCTP 3.3.1 - Niêm yết TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh chụp bảng niêm yết.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % TTHC được niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại trụ sở đơn vị hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số TTHC được công khai đầy đủ kịp thời, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ kịp thời, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Dưới 90% số TTHC được công khai đầy đủ kịp thời, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
24.	TCTP 3.3.2 - Cập nhật hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả kiểm tra của Văn phòng HĐND &amp; UBND cấp huyện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 4</li> <li>- Cập nhật không đầy đủ hoặc không kịp thời, đúng quy định các hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
25.	TCTP 3.4.1 - Công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng HĐND &amp; UBND cấp huyện.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức trên trang thông tin điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai đúng quy định tại Điều 16, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không công khai, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
26.	TCTP 3.4.2 - Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và xử lý PAKN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % của các PAKN đã được xử lý/tổng số PAKN của đơn vị nhận được. Nếu tỷ lệ đạt:</p>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản trả lời xử lý những PAKN của đơn vị.</li> <li>- Văn bản công khai xin lỗi của đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng HĐND&amp;UBND cấp huyện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá: 0,5.</li> <li>- Dưới 90% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, thì điểm đánh giá là: 0.</li> <li>* <i>Lưu ý:</i> Trường hợp cơ quan, đơn vị không nhận được PAKN của người dân nên không phát sinh việc xử lý, thì điểm đánh giá: 1.</li> </ul>
27.	TCTP 3.5.1 - Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Quyết định/lich trực của đơn vị về việc cử công chức trực tại bộ phận một cửa.</li> <li>- Kết quả kiểm tra của Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công công chức tiếp nhận đầy đủ, thường xuyên các lĩnh vực TTHC, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Không bố trí công chức trực thường xuyên hoặc có lĩnh vực TTHC không có công chức tiếp nhận theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
28.	TCTP 3.5.2 - Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Quyết định của UBND tỉnh hoặc các văn bản liên quan.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng HĐND -UBND cấp huyện.</li> </ul>	<p><b><i>Yêu cầu:</i></b> Tính tỷ lệ % giữa số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị do UBND tỉnh công bố. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số TTHC, thì điểm đánh giá là: 3</li> <li>- Dưới 100% TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
29.	TCTP 3.5.3 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá việc giải quyết TTHC;</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng HĐND -UBND cấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có báo cáo đánh giá đúng thời gian quy định và điểm đánh giá từ tốt trở lên, thì điểm đánh giá là: 2.</li> <li>- Báo cáo đánh giá quá thời gian quy định hoặc điểm đánh giá ở mức khá, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Không có báo cáo đánh giá hoặc điểm đánh giá ở mức trung bình, thì</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		huyện.	điểm đánh giá là: 0.
30.	TCTP 3.5.4 - Kết quả giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng HĐND -UBND cấp huyện</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 1,5</li> <li>- Dưới 90% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
31.	TCTP 3.5.5 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Văn bản công khai xin lỗi của đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, theo dõi của Văn phòng HĐND -UBND cấp huyện</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan nhà nước đề nghị có giải trình cụ thể cho từng trường hợp. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
32.	TCTP 4.1.1 - Bố trí công chức phù hợp với trình độ chuyên môn theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của các xã, phường, thị trấn</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ.</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Các xã, phường, thị trấn phải bố trí công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ của chức danh công chức đảm nhận. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 2.</li> <li>- Bố trí không đúng quy định, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
33.	TCTP 4.1.2 - Ban hành quy chế làm việc của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế làm việc của UBND các xã, phường, thị trấn</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> UBND các xã, phường, thị trấn phải ban hành quy chế làm việc theo nhiệm kỳ. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành, thì điểm đánh giá là: 2.</li> <li>- Không ban hành, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
34.	TC 4.2 - Thực hiện việc tinh giản biên chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt danh sách tinh giản danh sách tinh giản biên chế</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm đơn vị có cán bộ, công chức được tinh giản biên chế, thì điểm đánh giá là 2</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		của UBND tỉnh. - Kết quả kiểm tra theo dõi của phòng Nội vụ.	- Trong năm đơn vị không có cán bộ, công chức tinh giản biên chế, thì điểm đánh giá là 0.
35.	TC 5.1 - Tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định	- Báo cáo của các xã, phường, thị trấn - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> Cán bộ, công chức của các xã, phường, thị trấn tối thiểu phải có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (Đối với công chức các phường, thị trấn trình độ phải từ đại học trở lên). Tính tỷ lệ % số cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn theo quy định so với tổng số cán bộ, công chức của đơn vị. Nếu tỷ lệ đạt: - 100% đạt chuẩn, thì điểm đánh giá là: 5. - Từ 90% - dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 2. - Dưới 90%, thì điểm đánh giá là: 0.
36.	TC 5.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	- Báo cáo của xã, phường, thị trấn về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ.	<b>Yêu cầu:</b> Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức. Nếu: - Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, thì điểm đánh giá là: 2,5. - Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, thì điểm đánh giá là: 0.
37.	TC 6.1 - Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	- Báo cáo của các xã, phường, thị trấn. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch	<b>Yêu cầu:</b> Các xã, phường, thị trấn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn tại Hướng dẫn số 02/HD-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn - Có ban hành quy chế, thì điểm đánh giá là: 2 - Không ban hành quy chế, thì điểm đánh giá là: 0.
38.	TC 6.2 - Kết quả thực hiện tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho công chức	- Quyết định chi thu nhập tăng thêm theo quý hoặc năm; - Báo cáo của các xã,	<b>Yêu cầu:</b> Các xã, phường, thị trấn thực hiện theo mục II, III, IV Phần B Hướng dẫn số 02/HD-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh. Trong năm:

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		phường, thị trấn; các văn bản khác có liên quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chi thu nhập tăng thêm, thì điểm đánh giá là: 3</li> <li>- Không có chi thu nhập tăng thêm, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
39.	TCTP 7.1.1 - Hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử cấp xã	Tài liệu minh chứng phù hợp: Quyết định kiện toàn, Giấy mời/Kết luận cuộc họp, văn bản, kế hoạch, ...	<p><b>Yêu cầu:</b> Đánh giá việc tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử (Ban chỉ đạo) tại đơn vị. Điểm của tiêu chí này là tổng của mỗi nội dung đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo, thì điểm đánh giá là: 0,3</li> <li>- Ban chỉ đạo có tổ chức cuộc họp, thì điểm đánh giá là: 0,3</li> <li>- Ban chỉ đạo có ban hành văn bản hoặc có các hoạt động kiểm tra, đánh giá tình hình xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn trong năm, thì điểm đánh giá là: 0,4.</li> </ul>
40.	TCTP 7.1.2 - Ban hành các văn bản quy định, chỉ đạo, đôn đốc về khai thác sử dụng các ứng dụng CNTT và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; quy định về gửi nhận văn bản điện tử, ứng dụng chữ ký số,...	Văn bản đã ban hành	<p><b>Yêu cầu:</b> Đánh giá việc chỉ đạo, điều hành hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng CQĐT tại đơn vị. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành, thì điểm đánh giá là: 1.</li> <li>- Không ban hành, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
41.	TCTP 7.1.3 - UBND xã có triển khai nội dung về Chuyển đổi số	Văn bản triển khai; Tài liệu phù hợp kiểm chứng được nội dung hoạt động cụ thể đã triển khai về chuyển đổi số	<p><b>Yêu cầu:</b> UBND xã ban hành văn bản triển khai nội dung về Chuyển đổi số và tổ chức thực hiện. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành văn bản và triển khai ít nhất 01 hoạt động cụ thể, thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Ban hành văn bản nhưng chưa triển khai hoạt động cụ thể nào, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>Không ban hành văn bản, không triển khai, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
42.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ máy tính trang bị cho CBCC làm công tác chuyên môn của xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của đơn vị.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Thông tin</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ CBCC làm công tác chuyên môn tại các phòng, ban trực thuộc được trang bị máy tính để làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thống kê tổng số máy tính: a</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		&TT. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng văn hóa và Thông tin	- Thống kê tổng số CBCC làm công tác chuyên môn: b - Tính tỷ lệ: $(a/b) \cdot 100$ . Nếu tỷ lệ đạt: + 100%, thì điểm đánh giá là: 1 + Từ 80% - dưới 100% số CBCC thì tính theo công thức: Tỷ lệ x 1 + Dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0.
43.	TCTP 7.2.2 - Kịp thời xử lý, khắc phục các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin mạng được Sở TTTT cảnh báo và có báo cáo kết quả theo yêu cầu (nếu có) của Sở TTTT	- Báo cáo của đơn vị. - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở Thông tin &TT; phòng Văn hóa và Thông tin	<b>Yêu cầu:</b> Đơn vị có triển khai đầy đủ các hướng dẫn, yêu cầu về xử lý, khắc phục các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin mạng được Sở TTTT cảnh báo (thông qua văn bản) và có báo cáo kết quả theo yêu cầu nếu Sở Thông tin &TT có yêu cầu. - Đã phối hợp xử lý, khắc phục triệt để và báo cáo kịp thời, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Chưa kịp thời phối hợp xử lý hoặc báo cáo hoặc khắc phục chưa triệt để các vấn đề theo yêu cầu, thì điểm đánh giá là: 0.
44.	TCTP 7.3.1 - Sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDOffice	Thống kê trên phần mềm.	<b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ % số văn bản dự thảo được trao đổi, duyệt, ký số trên phần mềm (không bao gồm văn bản của các tổ chức Đảng, đoàn thể) như sau: - Đếm (trên hệ thống TDOffice) tổng số văn bản đi được lãnh đạo ký số: a - Đếm (trên hệ thống TDOffice) tổng số văn bản đi: b - Tính tỷ lệ: $(a/b) \cdot 100$ . Nếu tỷ lệ đạt: + 100% văn bản được phân công xử lý, trao đổi, duyệt, ký trên phần mềm, thì điểm đánh giá là: 2 + Từ 80 đến dưới 100%, thì điểm đánh giá là: 1 + Dưới 80%, thì điểm đánh giá là: 0.
45.	TCTP 7.3.2 - Sử dụng hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông	- Thống kê trên phần mềm. - Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Đánh giá mức độ sử dụng hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và DVCTT mức độ cao của tỉnh. Nếu: - Duy trì sử dụng ổn định, đầy đủ chức năng, cập nhật 100% hồ sơ TTHC phát sinh của đơn vị vào phần mềm, thì điểm đánh giá là: 2 - Duy trì sử dụng ổn định, đầy đủ chức năng, cập nhật từ 90% đến dưới 100% hồ sơ TTHC phát sinh của đơn vị vào phần mềm, thì điểm đánh giá là: 1 - Không duy trì sử dụng ổn định hoặc sử dụng không đầy đủ chức năng, thì điểm đánh giá là: 0

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<u>Ghi chú:</u> Tỷ lệ hồ sơ TTHC cập nhật trên phần mềm = (Số hồ sơ TTHC nhập vào phần mềm / Tổng số hồ sơ TTHC phát sinh trong kỳ)*100.
46.	TCTP 7.3.3 - Đề xuất, kiến nghị về việc tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC nhằm phù hợp cung cấp thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4	- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Đánh giá tình hình đề xuất, kiến nghị tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC nhằm phù hợp cung cấp thành DVCTT mức độ 3,4 đối với TTHC cấp xã - Có đề xuất, thì điểm đánh giá là: 1 - Không có đề xuất, thì điểm đánh giá là: 0
47.	TCTP 7.3.4 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	- Thống kê trên phần mềm. - Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến. - Thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến: a - Thống kê tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ: b - Tính tỷ lệ: $(a/b)*100$ . Nếu tỷ lệ đạt: + Từ 50% trở lên, thì điểm đánh giá là: 2 + Từ 15% - dưới 50% thì tính theo công thức: $(Tỷ\ lệ * 2)/50\%$ . + Dưới 15%, thì điểm đánh giá là: 0.
48.	TCTP 7.3.5 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh trực tuyến mức độ 3, 4	- Thống kê trên phần mềm. - Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị, của tỉnh.	<b>Yêu cầu:</b> Tính tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4. - Thống kê số hồ sơ phát sinh, giải quyết trực tuyến: a - Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã phát sinh: b - Tính tỷ lệ: $(a/b)*100$ . Nếu tỷ lệ đạt: + Từ 30% trở lên, thì điểm đánh giá là: 2 + Từ 10% - dưới 30% thì tính theo công thức: $(Tỷ\ lệ * 2)/30\%$ + Dưới 10%, thì điểm đánh giá là: 0.
49.	TCTP 7.3.6 - Sử dụng chứng thư số chuyên dùng cho các giao dịch điện tử khác như: Bảo hiểm xã hội, Kho bạc, Thuế, ... (ngoài trong văn bản điện tử thông thường)	- Chụp ảnh màn hình có thông tin chứng thư số khai báo sử dụng tại mỗi hệ thống hoặc ảnh chụp xác nhận giao dịch thành công có hiển thị thông tin chứng thư số đơn vị. - Kết quả kiểm tra theo dõi	<b>Yêu cầu:</b> Đếm số loại giao dịch điện tử của đơn vị được thực hiện thông qua chứng thư số chuyên dùng (không đếm trong trao đổi văn bản điện tử thông thường): - Có từ 03 loại giao dịch khác trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 - Có 02 loại giao dịch khác, thì điểm đánh giá là: 0,5 - Có 01 loại giao dịch hoặc không thực hiện loại giao dịch khác nào, thì điểm đánh giá là: 0.



STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		của Sở Thông tin & TT, phòng Văn hóa & TT	
50.	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT&amp; TT.</li> <li>- Báo cáo của Bru điện tỉnh.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp; TT</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b> Thống kê danh mục TTHC đã triển khai (Công bố) thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI. Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai (Công bố) thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 50% trở lên, thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Dưới 50%, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>
51.	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT&amp; TT.</li> <li>- Báo cáo của Bru điện tỉnh.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp; TT</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</li> <li>- Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên;</li> <li>- Thống kê số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 05% số hồ sơ TTHC trở lên, thì điểm đánh giá là: 1;</li> <li>+ Dưới 05% số hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul> </li> </ul>
52.	TCTP 7.4.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của sở, ngành về ứng dụng công nghệ thông tin gửi Sở TT&amp; TT.</li> <li>- Báo cáo của Bru điện tỉnh.</li> <li>- Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở TT &amp; TT</li> </ul>	<p><b>Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</li> <li>- Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được trả kết quả giải quyết (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên;</li> <li>- Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các</li> </ul>

STT	Tên tiêu chí/tiêu chí thành phần (TC/TCTP)	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ đạt: + Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên, thì điểm đánh giá là: 1 + Dưới 20% số hồ sơ TTHC, thì điểm đánh giá là: 0,5 + Thực hiện không đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0.
53.	TCTP 7.5.1 - Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị	- Quyết định công bố của đơn vị - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở KH và CN	<b>Yêu cầu:</b> Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị. Nếu: - Ban hành, thì điểm đánh giá là: 1 - Không ban hành, thì điểm đánh giá là: 0.
54.	TCTP 7.5.2 - Tổ chức đánh giá nội bộ, họp xem xét của lãnh đạo hàng năm theo quy định	- Kế hoạch, báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá nội bộ; Biên bản họp xem xét của lãnh đạo của đơn vị	<b>Yêu cầu:</b> Các đơn vị cấp xã phải tổ chức đánh giá nội bộ, họp xem xét của lãnh đạo tối thiểu một năm một lần về hoạt động hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại đơn vị mình. - Thực hiện các nội dung trên, thì điểm đánh giá là: 2 - Thực hiện 1 trong 2 nội dung trên, thì điểm đánh giá là: 1 - Không thực hiện, thì điểm đánh giá là: 0.
55.	TCTP 7.5.3 - Thực hiện việc duy trì, cải tiến ISO theo quy định	- Kế hoạch duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO của đơn vị - Mục tiêu chất lượng năm của đơn vị. - Thực hiện công bố lại theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 4 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ - Kết quả kiểm tra theo dõi của Sở KH và CN	<b>Yêu cầu:</b> Các đơn vị cấp xã đã công bố hệ thống ISO phải tổ chức thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống ISO theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ - Thực hiện đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 2 - Không đúng theo quy định, thì điểm đánh giá là: 0.